

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 60/2024/HS-ST

Ngày: 13/8/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Kim Toan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Vĩnh Hạnh

2. Ông Huỳnh Văn Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân quận BT, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận BT, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy D – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận BT, thành phố Cần Thơ xét xử trực tuyến công khai tại Điểm cầu Phòng xét xử Tòa án nhân dân quận BT và điểm cầu Nhà tạm giữ Công an quận B, vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2024/HSST ngày 12 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 463/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Đình T, giới tính: Nam.

Sinh ngày 30 tháng 10 năm 1983. Nơi sinh: Cần Thơ. Nơi thường trú: không có. Nơi ở hiện nay: E đường H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: không. Trình độ học vấn: 9/12, Nghề nghiệp: làm hồ. Họ và tên cha: Trương Đình R, sinh năm 1932 (chết). Họ và tên mẹ: Lê Thị Ú, sinh năm 1944 (chết). Sống chung như vợ chồng: Bùi Thị Kim L, sinh năm 1973. Con có 01 người, sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: không. Bị can bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/03/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an quận B, thành phố Cần Thơ.

Bị cáo có mặt tham gia phiên tòa tại điểm cầu Nhà tạm giữ Công an quận B, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Bùi Thị Kim L** sinh năm 1973. Địa chỉ: E, đường H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. *Có mặt tham gia phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 20 phút ngày 23/03/2024, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận B kết hợp với Công an phường A tuần tra trên địa bàn phường A Khi đến trước số I đường C thuộc Khu V, phường A, quận B, phát hiện có 01 nam thanh niên đang điều khiển xe mô tô có biểu hiện nghi vấn về ma túy nên tiến hành làm việc. Lúc này, người thanh niên bỏ từ trên tay buông xuống 01 gói nilon không màu hàn kín chứa tinh thể không màu có quần băng keo màu đen bên ngoài. Qua làm việc đã thu giữ các tang vật như sau:

Thu giữ 01 gói nilon không màu hàn kín chứa tinh thể không màu bên ngoài có quần băng keo đen; 01 xe mô tô biển số 65H1- 6270, thân xe có dán chữ Wave 110; 01 nỏ thủy tinh; 01 điện thoại di động ghi hiệu NOKIA màu đỏ có gắn sim số 0783843313 (đã qua sử dụng)

Qua làm việc, Trương Đình T khai nhận T sử dụng ma túy từ năm 2013, khoảng 17 giờ ngày 23/03/2024 sau khi đi làm về đã điện thoại cho người tên H hỏi mua ma túy đá với số tiền 150.000đồng, H đồng ý. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì T điện thoại cho H qua số điện thoại 0846.087.168 thì H hẹn T đến hẻm B đường T, phường A, quận B để nhận ma túy. T điều khiển xe mô tô 65H1- 6270 đến điểm hẹn. Khi đến T điện thoại cho H để lấy ma túy thì có 01 người phụ nữ chạy xe mô tô đến và giao cho T 01 gói nilon được quần băng keo màu đen. Sau khi mua được ma túy, T tìm nơi sử dụng thì bị phát hiện và thu giữ toàn bộ số ma túy T cất giấu.

Tại bản Kết luận giám định số 81/KL-KTHS ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Phòng K Công an T2, kết luận: Tinh thể không màu trong gói nilon gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng là 0,1039 gam.

Đối với người thanh niên tên H đã bán ma túy có sử dụng số điện thoại 0846.087.168, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B đã gửi tra cứu xác minh số thuê bao đến Tập đoàn B nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả. Khi có kết quả Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, thành phố Cần Thơ sẽ điều tra xử lý sau.

Đối với xe mô tô biển số 65H1- 6270 qua xác minh, xác định chủ sở hữu là ông Lý Châu V. Hiện tại ông V và vợ là bà Trần Thị H1 đã chết. Qua làm việc với ông Trần Tái M là cháu của bà H2 cung cấp, trước đây ông V có mua và sử dụng xe mô tô trên, nhưng sau đó ông V bán lại xe này cho người khác. Ông Khổng Lý T1 mua xe mô tô biển số 65H1- 6270 cách đây khoảng 6 năm nhưng không có làm hợp đồng mua bán xe. Đến khoảng tháng 10 năm 2023 thì bán lại cho ông Nguyễn Thanh P có viết giấy tay thể hiện việc mua bán xe. Qua làm việc với ông P, ông P xác nhận có mua lại xe mô tô trên của ông T1, đến ngày 20/10/2023 ông P bán xe này lại cho bà Bùi Thị Kim L (sống chung như vợ chồng với T). Việc mua bán xe có viết giấy tay mua bán với giá 3.500.000đồng, trong thời gian sử dụng bà L chưa làm thủ tục đăng ký lại giấy đăng ký xe. Do thấy bị cáo T không có phương tiện để đi làm nên bà L đã cho T mượn xe mô tô biển số 65H1- 6270. Việc bị cáo T sử dụng xe mô tô trên đi mua ma túy bà L không biết.

Tại bản cáo trạng số: 57/CT-VKSBT ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận **BT** truy tố Trương Đình T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 Bộ Luật Hình sự..

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thông nhất với nội dung Bản cáo trạng truy tố đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo thừa nhận bản thân có sử dụng trái phép chất ma túy nên mua về để sử dụng. Vào ngày 23/03/2024 sau khi đi làm về đã điện thoại cho người tên H hỏi mua ma túy đá với số tiền 150.000 đồng thì H đồng ý. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì T điện thoại cho H qua số điện thoại 0846.087.168 thì H hẹn T đến hẻm B đường T, phường A, quận B để nhận ma túy. T điều khiển xe mô

tô 65H1- 6270 đến điểm hẹn. Khi đến T điện thoại cho H để lấy ma túy thì có 01 người phụ nữ chạy xe mô tô đến và giao cho T 01 gói nilon được quấn băng keo màu đen. Sau khi mua được ma túy tìm nơi sử dụng thì bị phát hiện và thu giữ toàn bộ số ma túy T cất giấu.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận BT: Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ nhận thức pháp luật. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung truy tố bị cáo Trương Đình T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền của nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo từng bị xử lý hình sự về hành vi mua bán ma túy nhưng vẫn không sửa đổi thành công dân tốt, nên cần có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đề nghị xét xử bị cáo Trương Đình T với mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Tinh thể không màu trong gói nilon gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng là 0,1039gam. Trọng lượng còn lại sau giám định là 0,0581gam.

+ 01 nỏ thủy tinh, sim số: 0783.843.313

- Trả lại xe mô tô biển số 65H1- 6270 cho bà Bùi Thị Kim L

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước điện thoại di động Nokia màu đỏ đã qua sử dụng.

Bị cáo không tham gia tranh luận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị Kim L trình bày: yêu cầu được nhận lại xe mô tô biển số 65H1- 6270 do bà không biết bị cáo sử dụng xe đi mua ma túy về sử dụng.

Lời nói sau cùng: bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình điều tra đã tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho những người tham gia tố tụng. Các chứng cứ tại hồ sơ đủ để kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như để giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

[1] Tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với nội dung Bản cáo trạng và quyết định đã truy tố; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ nhận thức pháp luật, biết rõ tác hại của ma túy và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Tại bản Kết luận giám định số 81/KL-KTHS ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Phòng K Công an thành phố T2, kết luận: Tinh thể không màu trong gói nilon gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng là 0,1039 gam. Tất cả số ma túy trên là của bị cáo T mua và tàng trữ để sử dụng nên cáo trạng truy tố bị cáo Trương Đình T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Nhà nước đang tăng cường công tác đấu tranh, phòng chống đối với các loại tội phạm liên quan đến ma túy nên việc xử lý nghiêm đối với loại tội phạm này là cần thiết. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng

trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên bị cáo từng bị xử phạt về hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy nhưng bị cáo vẫn không sửa đổi, không từ bỏ ma túy nên cần có hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo thành công dân tốt.

[3]Về vật chứng thu giữ: xử lý vật chứng theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật.

[4]Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 249; Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố: Trương Đình T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt: Trương Đình T 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/3/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 gói niêm phong số 81/KL-KTHS ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Phòng K Công an thành phố T2 chứa ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng là 0,1039gam, khối lượng còn lại sau giám định là 0,0581gam.

+ 01 nỏ thủy tinh, sim số: 0783.843.313

- Trả lại xe mô tô biển số 65H1- 6270 cho bà Bùi Thị Kim L

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước điện thoại di động Nokia màu đỏ đã qua sử dụng.

Vật chứng trên căn cứ vào Quyết định chuyển vật chứng số 50/QĐ-VKSBT ngày 10/7/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận **BT** và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an quận B với Chi cục Thi hành án Dân sự quận **BT** ngày 12/7/2024.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trương Đình T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND QBT; VKSND TPCT
- TAND TPCT
- CQ CSĐT CA QBT
- NTG CAQBT TPCT.
- Chi cục THADS QBT
- Sở Tư pháp TPCT
- Bị cáo, người TGT khác
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Kim Toàn